

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP GIA HÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP GIA HÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA HAN GENERAL TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108920309

**3. Ngày thành lập:** 26/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

13 M2 Khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                     | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                        | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn<br><br>Bán buôn rượu                                                                                                                                                                                                      | 4633     |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                          | 4690     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                              | 4711        |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4721        |
| 9.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                          | 4772        |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4781        |
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799        |
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú cho khách du lịch, khách trọ, hàng ngày hoặc hàng tuần, nhìn chung là ngắn hạn. Các cơ sở lưu trú bao gồm loại phòng thuê có sẵn đồ đạc, hoặc loại căn hộ khép kín có trang bị bếp và dụng cụ nấu ăn, có hoặc không kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, có thể đi kèm với các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt là, bể bơi, phòng tập, dịch vụ giải trí, phòng họp và thiết bị phòng họp; | 5510        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống tới khách hàng: Nhà hàng, quán ăn; Quán ăn tự phục vụ; Quán ăn nhanh; Cửa hàng bán đồ ăn mang về;...                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610(Chính) |
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5621        |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ                                                                                                                                                                                    | 5629        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: QUÁCH NGỌC NINH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 06/05/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 164101942

Ngày cấp: 23/07/2012

Nơi cấp: *Công an Ninh Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10, Tổ 2, Phường Tân Bình, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10, Tổ 2, Phường Tân Bình, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: QUÁCH NGỌC NINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/05/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 164101942

Ngày cấp: 23/07/2012

Nơi cấp: *Công an Ninh Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 10, Tổ 2, Phường Tân Bình, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 10, Tổ 2, Phường Tân Bình, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội